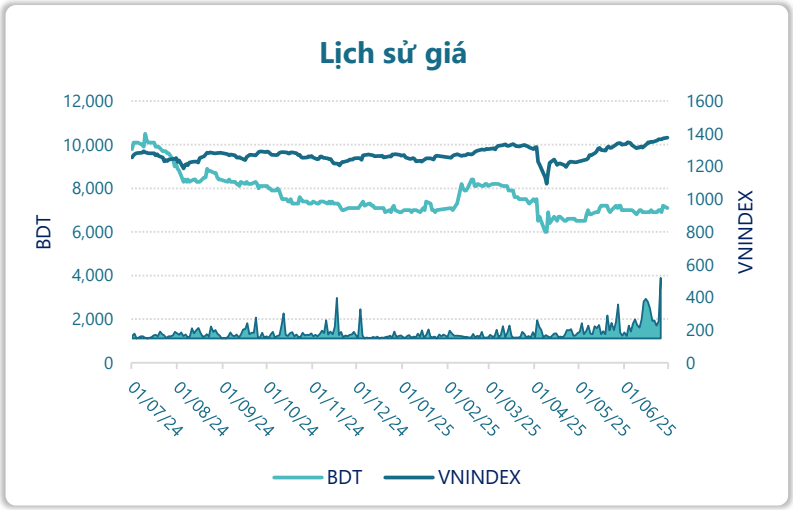
FireAnt

CTCP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp (UPCOM: BDT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	38,595,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,660
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	274
P/E	-25.6
EPS	-277

DT thuần

Q2/25

47.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0| 50.2%

YoY: ▼8.50| -15.2%

LN sau thuế

Q2/25

6.24

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 171%

YoY: ▲ 4.82| 339%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

16.3%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

6T 2025

79.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.8| -14.8%

LN sau thuế

6T 2025

-2.52

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.79| 73.0%

ROE

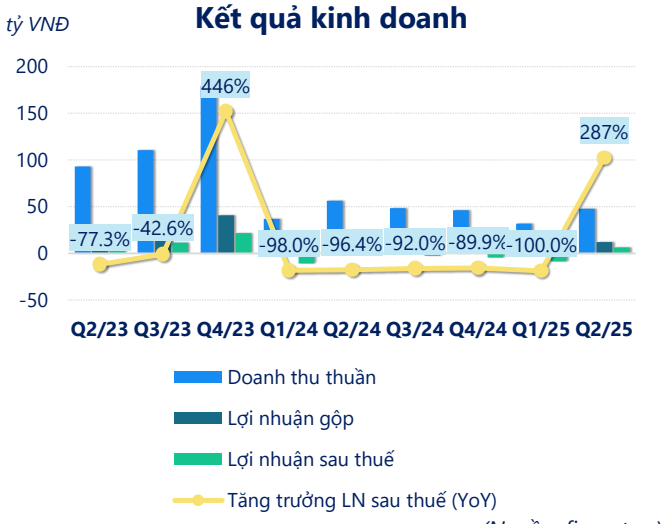
Q2/25

-2.0%

+/- YoY: ▼ 6.2%

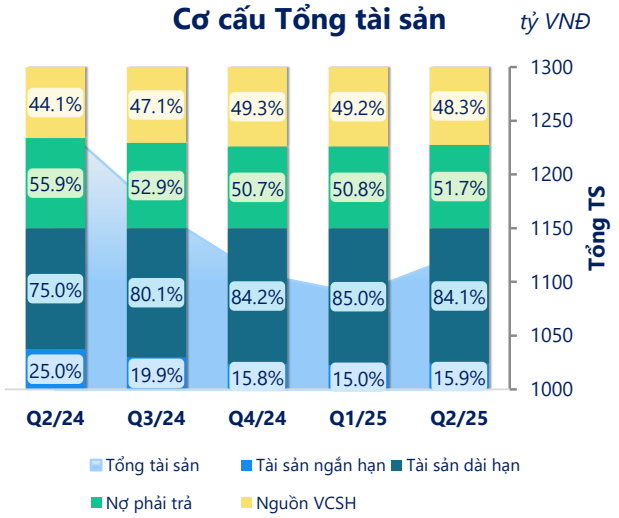
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



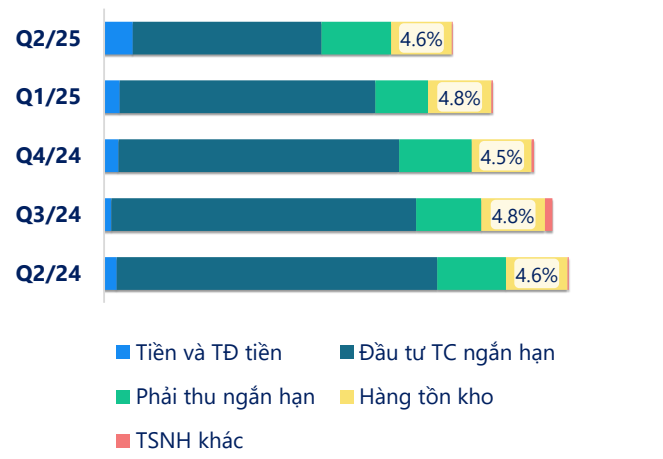
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



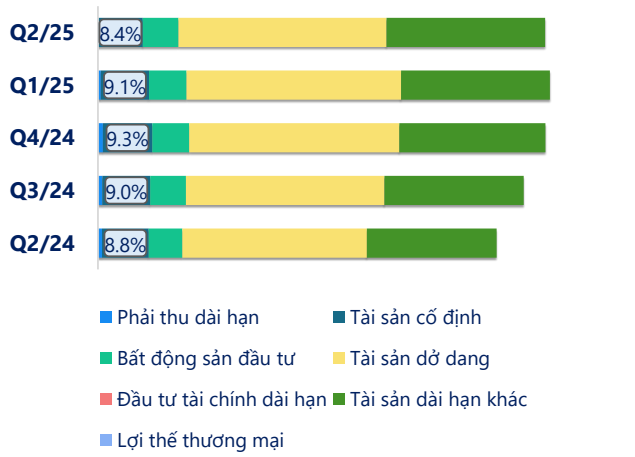
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



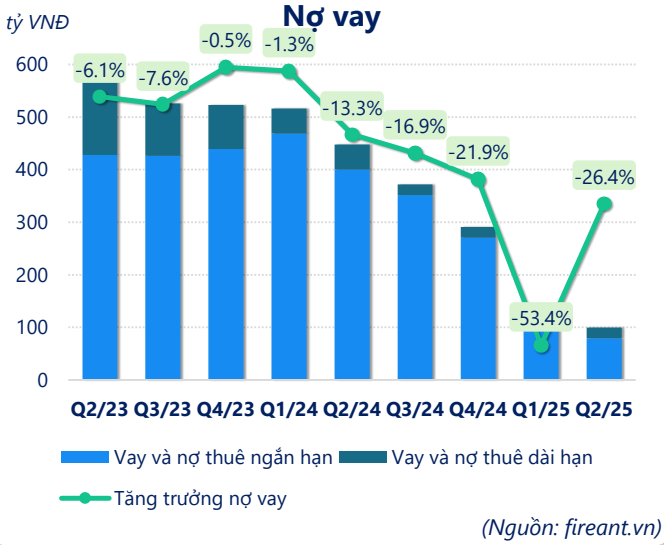
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



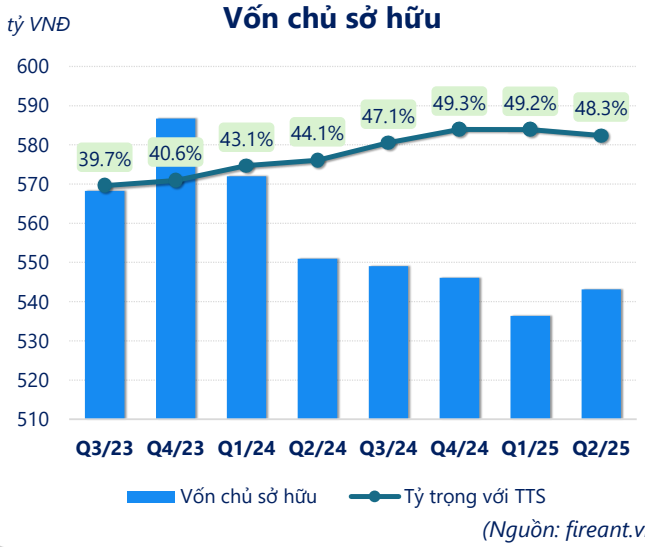
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



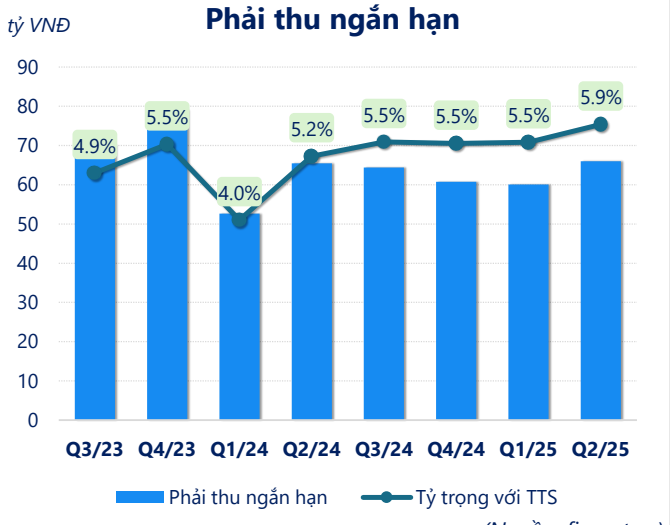
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



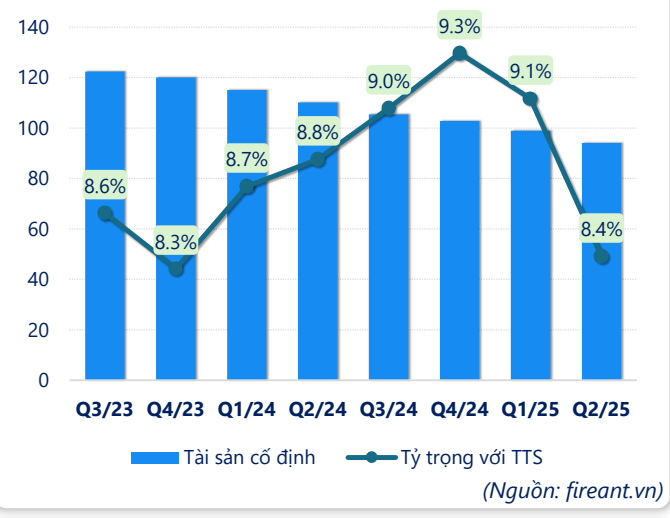
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



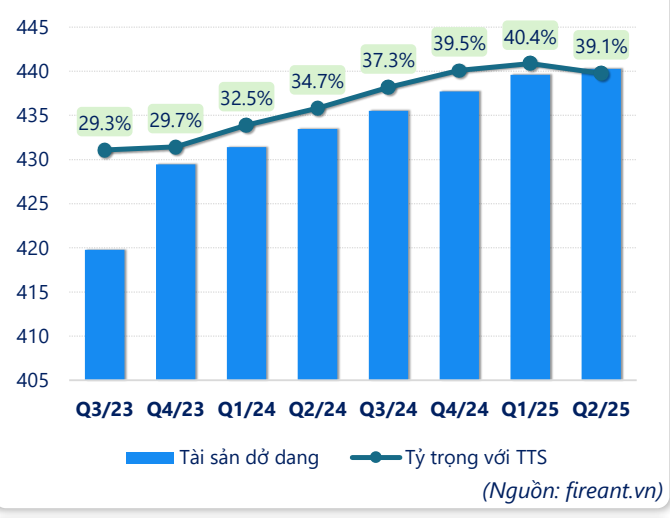
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



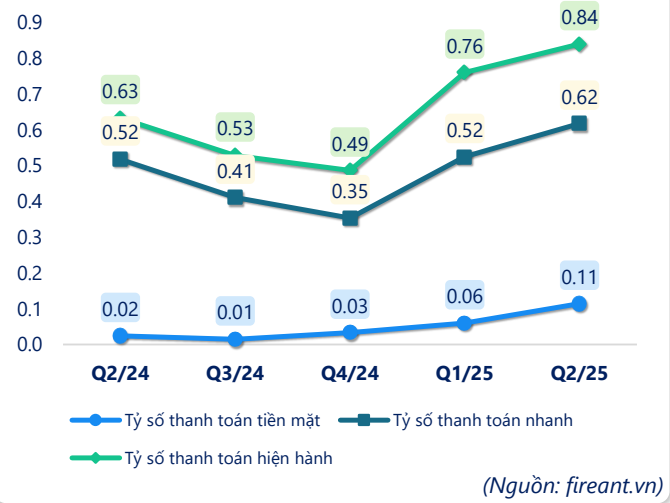
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



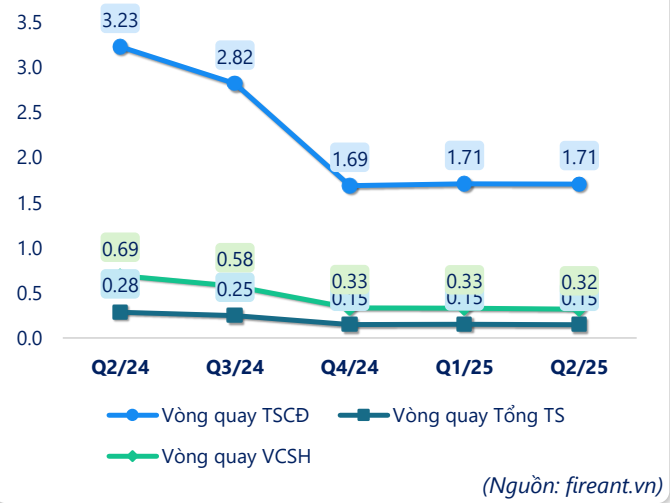
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,251**	**1,167**	**1,108**	**1,089**	**1,125**
Tài sản ngắn hạn	**313**	**233**	**175**	**163**	**179**
Tiền và tương đương tiền	12.0	6.40	12.0	12.8	24.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	178	109	53.7	38.2	39.4
Phải thu ngắn hạn	65.5	64.4	60.7	60.0	66.0
Hàng tồn kho	57.1	51.9	48.0	50.6	47.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	1.06	0.99	1.65	1.83
Tài sản dài hạn	**938**	**934**	**932**	**926**	**946**
Phải thu dài hạn	9.50	9.50	10.1	5.84	0.54
Tài sản cố định	110	105	103	98.9	94.1
Bất động sản đầu tư	79.2	78.3	77.5	76.6	75.7
Tài sản dở dang	433	436	438	440	440
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	305	305	304	305	336
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**700**	**618**	**562**	**553**	**582**
Nợ ngắn hạn	**494**	**440**	**361**	**215**	**213**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	400	351	271	115	79.5
Phải trả người bán ngắn hạn	16.0	16.5	17.9	17.9	17.6
Nợ dài hạn	205	178	201	338	369
Vay và nợ thuê dài hạn	47.6	20.8	20.1	20.1	20.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**551**	**549**	**546**	**536**	**543**
Vốn chủ sở hữu	**551**	**549**	**546**	**536**	**543**
Vốn điều lệ	386	386	386	386	386
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)